



**TỔNG HỢP THU CHI QUÝ 1501
NĂM 2025**

THÁNG	THU											CHI								TGTK		SỐ DƯ		
	CTHD	MTTT	NNMU	CMHC	Cháo Xôi Cơm	Garage Sales	Heartbank	Quỹ Chung	Khác	LÃI	TỔNG THU	CTHD	MTTT	NNMU	CMHC	Cháo Xôi Cơm	Heartbank	Khác	TỔNG CHI	Gửi tiết kiệm	Tất toán			
	DƯ ĐẦU KỶ																					500,000,000		625,583,615
Tháng 1	148,066,222	23,300,000	5,230,000	10,500,000	-	-	600,000	7,752,625	-	47,631	195,496,478	170,122,000	22,800,000	45,284,000	21,000,000	-	-	600,000	259,806,000	-	-	561,274,093		
Tháng 2	15,557,000	19,200,000	-	34,854,000	300,000	-	-	2,150,000	-	3,406,514	75,467,514	-	20,500,000	-	22,900,000	-	-	55,000	43,455,000	-	-	593,286,607		
Tháng 3	4,772,000	23,900,000	45,860,000	-	3,000,000	-	-	200,000	5,000,000	195,286	82,927,286	-	24,900,000	-	3,300,000	-	-	5,900,000	34,100,000	-	-	642,113,893		
Tháng 4	-	11,200,000	24,017,500	5,369,000	2,200,000	-	900,000	3,500,000	-	225,071	47,411,571	-	11,200,000	80,000,000	17,000,000	-	-	-	108,200,000	-	-	581,325,464		
Tháng 5	-	11,500,000	40,062,280	2,400,000	700,000	-	-	2,550,000	-	15,139,543	72,351,823	-	11,000,000	-	10,969,000	5,000,000	-	-	26,969,000	700,000,000	300,000,000	226,708,287		
Tháng 6	35,000,000	12,900,000	21,953,200	500,000	-	-	-	9,221,721	-	194,068	79,768,989	34,100,000	13,500,000	-	14,600,000	-	-	-	62,200,000	-	-	244,277,276		
Tháng 7	-	47,046,000	-	4,100,000	2,300,000	-	1,100,000	1,000,000	-	162,586	55,708,586	-	38,846,000	-	10,500,000	-	-	-	49,346,000	-	-	250,639,862		
Tháng 8	-	47,300,000	1,000,000	500,000	150,000	-	-	11,402,000	100,000	3,612,112	64,064,112	-	47,700,000	40,000,000	34,300,000	-	10,000,000	-	132,000,000	-	-	182,703,974		
Tháng 9	57,520,000	9,100,000	-	5,200,000	1,900,000	-	-	-	300,000	165,964	74,185,964	49,920,000	15,600,000	-	19,500,000	-	-	2,000,000	87,020,000	-	-	169,869,938		
Tháng 10	112,871,500	19,150,000	-	975,000	-	-	-	7,500,000	-	158,809	140,655,309	115,420,000	19,150,000	-	11,375,000	-	-	2,000,000	147,945,000	-	-	162,580,247		
Tháng 11	182,960,281	-	-	1,000,000	-	-	-	55,300,000	-	163,436	239,423,717	188,000,000	-	-	900,000	-	-	-	188,900,000	-	-	213,103,964		
Tháng 12	151,552,999	19,650,000	200,000	10,500,000	-	-	-	31,000,000	-	174,842	213,077,841	400,320,000	19,600,000	-	42,854,000	-	-	-	462,774,000	-	50,000,000	13,407,805		
TỔNG	708,300,002	244,246,000	138,322,980	75,898,000	10,550,000	-	2,600,000	131,576,346	5,400,000	23,645,862	1,340,539,190	957,882,000	244,796,000	165,284,000	209,198,000	5,000,000	-	10,555,000	1,602,715,000	700,000,000	350,000,000	13,407,805		
	DƯ CUỐI KỶ																					850,000,000		13,407,805
	TỔNG CỘNG SỐ DƯ CUỐI KỶ (Tại quỹ + gửi tiết kiệm)																							863,407,805

NTCM - BÁO CÁO THU CHI QUỸ 1501

Tại ngày 31/12/2015

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2015	1,125,583,615	
	<i>Trong đó:</i>		
	Tài khoản thu chi	625,583,615	
	Tài khoản TGTK	500,000,000	
2	TỔNG THU TRONG KỲ	1,340,539,190	Chi tiết xem tại sheet Tổng thu - chi, và các sheet chi tiết tháng
3	TỔNG CHI TRONG KỲ	1,602,715,000	Chi tiết xem tại sheet Tổng thu - chi, và các sheet chi tiết tháng
4	SỐ DƯ CUỐI KỲ	863,407,805	
	<i>Trong đó:</i>		
	Tồn tại quỹ CMHC	18,653,000	
	Tồn tại quỹ CTHĐ	204,338,228	
	Tồn tại quỹ Cháo Xôi Com	21,510,000	
	Tồn tại quỹ MTTT	6,188,000	
	Tồn tại quỹ Heart Bank	63,880,000	
	Tồn tại quỹ NNMU	21,003,200	
	Tồn tại quỹ KHÁC	79,317,014	
	Số còn lại giữ tại quỹ CHUNG	448,518,363	Thực hiện các hoạt động chung của NTCM



TỔNG HỢP SỐ DƯ CÁC TÀI KHOẢN CỦA QUỸ 1501

Tại ngày 31/12/205

Số tài khoản	Diễn giải	Số dư	Ghi chú
1501	Tài khoản thu chi	13,407,805	
0000945705202	Tài khoản tiền gửi tiết kiệm	50,000,000	
0001474458383	Tài khoản tiền gửi tiết kiệm	100,000,000	
4835869904272	Tài khoản tiền gửi tiết kiệm	700,000,000	
TỔNG CỘNG		863,407,805	



BÁO CÁO QUỸ CỨU MANG HOÀN CẢNH (CMHC)

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
1	Áo thun đồng phục NTCM	(17,647,000)	100,000		-	(17,547,000)	
2	Anh Lò Văn Hạnh, Tuần Giáo, Điện Biên	900,000	-		900,000	0	900,000
3	Anh Trần Đình Tuệ, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	1,000,000	-		1,000,000	0	
4	Bé Lù Minh Khang, mô tim Hà Giang	22,100,000	-		22,100,000	0	22,100,000
5	Chuyến xe 0 đồng	14,000,000	-		-	14,000,000	
6	Bé Bàn Văn Chiến, Mộc Châu, Sơn La	17,500,000	-		17,500,000	0	
7	Em Trần Hồng An, Gò Công, Tiền Giang	5,800,000	-		5,800,000	0	5,800,000
8	Anh Thanh bệnh Phổi BV Phổi TW	1,000,000	-		1,000,000	0	1,000,000
9	Ngọc Anh Huế	1,300,000	-		1,300,000	0	1,300,000
10	Anh Huỳnh Quốc Việt, Tầm Vu, Long An	-	-		-	0	
11	Em Hồ Thị Nhu, A Lưới, Huế	500,000	-		500,000	0	
12	Bé Giảng Thị Pàng, Mường Nhé, Điện Biên	-	-		-	0	
13	Anh Phúc Hà Nội	-	-		-	0	
14	Cháu VTA ung thư Hanoi	100,000	-		100,000	0	100,000
15	Khánh Vy & chị Diệp HCM	-	-		-	0	
16	Ba bé Trợ, Tân, Nội mô côi mẹ, Tân Kỳ, Nghệ An	-	-		-	0	
17	Anh Trần Kim Đức, Hải Lăng, Quảng Trị	-	1,000,000	4,500,000	5,500,000	0	
18	Chú Hồ Xuân An, Hưng Nguyên Nghệ An	-	-	900,000	900,000	0	
19	Bác Thanh Nguyễn Huế	-	-		-	0	
20	Bà Thái Thị Hòa, Đô Lương, Nghệ An	-	-		-	0	
21	Anh Đặng Văn Thái, Thạch Hà, Hà Tĩnh	-	1,100,000	1,400,000	2,500,000	0	
22	Chị Lê Thị Mỹ Nhung, Ninh Hòa, Khánh Hòa	-	-	2,000,000	2,000,000	0	
23	Chị Nguyễn Thị Định & anh Quang, Hà Tĩnh	-	-	4,500,000	4,500,000	0	
24	Chị Phạm Thị Duyên, Hương Sơn Hà Tĩnh	-	-	7,300,000	7,300,000	0	
25	Chị Hoa Nghệ An	-	-		-	0	
27	Bé Nguyễn Thị Ngọc Vy, quận Tân Phú, HCM	-	-		-	0	
29	Bé Phạm Thái Tú, quận Tân, Phú HCM	-	-		-	0	
30	Bà Nguyễn Thị Mỹ, quận 6, HCM	-	-	3,900,000	3,900,000	0	
31	Chị Lê Thị Lương, Cẩm Xuyên Hà Tĩnh	-	-		-	0	
32	Em Bùi Thị Hằng & Châu, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	(300,000)	-	1,300,000	1,000,000	0	
33	Chị Nga A Lưới Huế	-	-		-	0	
36	Di Trần Thị Hương, Nam Đàn, Nghệ An	-	200,000	3,300,000	3,500,000	0	
37	Chị Nguyễn Thị Tuất, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	-	500,000	1,500,000	2,000,000	0	
38	Cô Tư (Bé Gia Khang), quận Tân Phú, HCM	-	-	3,600,000	3,600,000	0	
39	Em Huỳnh Bảo Phúc & Bảo Lộc, Quận 10, HCM	-	-	3,600,000	3,600,000	0	
41	Chị Phạm Thị Hoa, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	-	-	3,600,000	3,600,000	0	
42	Em Nguyễn Hữu Thọ & Hùng, Quận Bình Thạnh HCM	-	475,000		475,000	0	
43	Bé Huỳnh Tuấn Tú, Quận 10, HCM	-	-	3,600,000	3,600,000	0	
44	Cháu Ngân Mạnh Duy & Con, Quỳnh Hợp, Nghệ An	-	-		-	0	

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
47	Bé Trần Văn Đình Lâm & Đình Lực A Lưới, Huế	-	-		-	0	
48	Em Hồ Văn Phúc, A Lưới, Huế	-	-		-	0	
49	Em Dương Thị Kiều, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	-	1,000,000	1,200,000	2,200,000	0	
52	Em Lê Việt Thắng, TP Hà Tĩnh	-	-	6,000,000	6,000,000	0	
53	Em Hồ Thị Thanh A Lưới. Huế	-	-		-	0	
54	Dì Hoàng Thị Hoa, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	-	-	4,500,000	4,500,000	0	
56	Anh Kê Văn Côi, A Lưới, Huế	-	-		-	0	
57	Bé Lê Gia Bảo, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	-	-		-	0	
58	Anh Đặng Đình Dũng, Thạch Hà, Hà Tĩnh	-	-	4,500,000	4,500,000	0	
60	Chị Nguyễn Thị Nga, Khoái Châu, Hưng Yên	-	12,969,000	100,000	13,069,000	0	
61	Bà Ngô Thị Nhung, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	-	-	3,000,000	3,000,000	0	
62	Em Quảng Thị Hương & Quyết, Quỳnh Nhai, Sơn La	3,700,000	35,854,000	17,500,000	39,554,000	17,500,000	
63	Anh Lê Minh Tiền, Bàu Bàng, Bình Dương	-	-	2,700,000	2,700,000	0	
64	Cháu Cao Thị Phương, Lộc Hà, Hà Tĩnh	-	-	1,000,000	1,000,000	0	
65	Cháu Lê Anh Thư & Khánh Vy, Bình Tân, HCM	-	500,000	5,100,000	5,600,000	0	
66	Em Phạm Hữu Phước, A Lưới, Huế	-	-	1,800,000	1,800,000	0	
67	Cô Nguyễn Thị Dung, Kim Bảng, Hà Nam	-	300,000	1,700,000	2,000,000	0	
68	Chị Nguyễn Thị Linh, Kim Bảng, Hà Nam	-	-	4,500,000	4,500,000	0	
69	Em Hồ Thị Tiếp, A Lưới, Huế	-	1,000,000	2,500,000	3,500,000	0	
70	Bà Phạm Thị Hoan, Kim Bảng, Hà Nam	-	1,500,000		1,500,000	0	
71	Anh Võ Văn Thi, A Lưới, Huế	-	-	1,500,000	1,500,000	0	
72	Bé Nguyễn Tú Hồng & Tú Hà, Yên Định, Thanh Hóa	-	900,000		900,000	0	
73	Chị Lê Thị Phương, Yên Định, Thanh Hóa	-	1,700,000	1,500,000	3,200,000	0	
74	Chị Trần Thị Phương Hồng Ngọc, Bình Chánh, HCM	-	1,000,000	500,000	1,500,000	0	
75	Bà Đặng Thị Hai, Châu Phú, An Giang	-	-	1,800,000	1,800,000	0	
76	Chú Đỗ Văn Long, Châu Phú, An Giang	-	200,000	3,300,000	3,500,000	0	
77	Em Nguyễn Văn Tý, Châu Phú, An Giang	-	200,000	3,300,000	3,500,000	0	
78	Anh Nguyễn Văn Lãnh, Châu Phú, An Giang	-	200,000	3,300,000	3,500,000	0	
79	Cô Nguyễn Bích Thủy, Châu Phú, An Giang	-	400,000	3,300,000	3,700,000	0	
80	Chú Lư Văn Qui, Châu Phú, An Giang	-	200,000	1,800,000	2,000,000	0	
81	Em Chang Seu Nien, Bình Tân, HCM	-	200,000	2,700,000	2,900,000	0	
82	Em Blup Sim, A Lưới, Huế	-	-	900,000	900,000	0	
83	Cháu Hồ Cao Minh, A Lưới, Huế	-	-	3,000,000	3,000,000	0	
84	Cháu Lê Trung Kiên, Gia Lai	-	1,000,000		-	1,000,000	
85	Cô Nguyễn Thanh Thủy, Quận 6, HCM	-	-	900,000	900,000	0	
86	Cô Tiêu Thủy Huệ, Quận 6, HCM	-	-	1,000,000	1,000,000	0	
87	Cháu Lê Trung Tiến, Gia Định, HCM	-	500,000	1,500,000	2,000,000	0	
88	Bà Thái Thị Thi, Can Lộc, Hà Tĩnh	-	-	2,400,000	2,400,000	0	
89	Bé Hồ Ngọc Hiếu Lam, A Lưới, Huế	-	-	1,500,000	1,500,000	0	
90	Cô Nguyễn Thị Liên, Châu Phú, An Giang	-	-	2,400,000	2,400,000	0	
91	Bà Kăn Khoan, A Lưới, Huế	-	-	1,500,000	1,500,000	0	
92	Cháu Hồ Văn Y Riều, A Lưới, Huế	-	1,000,000	2,500,000	3,500,000	0	

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
93	Anh Nguyễn Văn Đông & chị Nguyệt, Nam Đàn, Nghệ An		200,000		200,000	0	
94	Bé Lê Thị Bảo An, Định Tân, Thanh Hóa		-	1,500,000	1,500,000	0	
95	Anh Kê Song & Kê Bang, A Lưới, Huế		200,000		200,000	0	
96	Em Hồ Thị Như Sen, A Lưới, Huế		200,000		200,000	0	
97	Bà Hồ Thị Tiểu, A Lưới, Huế		200,000		200,000	0	
98	Bé là Phạm Thái Tú, Tân Phú, HCM		200,000	1,800,000	2,000,000	0	
99	Anh Hồ Xuân Viêng, A Lưới, Huế		-	3,500,000	3,500,000	0	
100	Chị Hồ Thị Tới, A Lưới, Huế		100,000		100,000	0	
101	Bà Kãn Yên, A Lưới, Huế		500,000		500,000	0	
102	Anh A Việt Trừ A Lưới Huế		-	1,500,000	1,500,000	0	
103	Cô Đỗ Thị Như Lan (bé Nhi) - Diên Hồng, HCM		9,500,000		6,000,000	3,500,000	
104	Bà Kã Cu Chung, A Lưới, Huế		200,000		200,000	0	
105	Bé Hồ Khánh Băng, A Lưới, Huế		200,000		200,000	0	
106	Bé Hồ Ánh Huyền Thy & An Thuyên, A Lưới, Huế		200,000		-	200,000	
TỔNG CỘNG		49,953,000	75,698,000	150,000,000	256,998,000	18,653,000	31,200,000



BÁO CÁO QUỸ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (CTHD)

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu			Chi		Dự chuyển lại quỹ	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ 1501	Tồn sau khi kết chuyển
			MTQ uh	Hỗ trợ từ Chương trình khác	Quỹ 1501 hỗ trợ	Thực hiện chương trình	Hỗ trợ chương trình khác				
1	Xe lăn hỗ trợ người khuyết tật	14,878,925	-	-	-	-	-	-	14,878,925	-	14,878,925
2	CT Đông Âm TT chăm sóc Người Khuyết Tật - Thụy An Ba Vì Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
3	CT Giao Thừa Âm Hà Nội 2023	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
4	CT CMX BV Thận Hà Nội 2023	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
5	CT Tết Yêu Thương Nghệ An 2023	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
6	CT Khám bệnh nhân đạo đảo Lý Sơn Quảng Ngãi 2023	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
7	CT Tiệc nhỏ mái ấm Mây Ngàn Tây Ninh	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
8	CT Trung Thu Yang Mao Dak Lak 2023	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
9	CT Chuyển xe Nhân Ái Huế	11,700,000	-	-	-	-	-	-	11,700,000	-	11,700,000
10	CT CMX Viện Thận Hanoi 2024	11,310,000	-	-	-	-	-	-	11,310,000	-	11,310,000
11	CT GTA Hanoi 2024	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
12	CT GTA HCM 2024	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
13	CT Tặng quà lớp học tình thương Hòa Hảo HCM	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
14	CT Ủng hộ quạt điện A Lưới Huế	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
15	CT Ủng hộ đồng bào lũ lụt Sơn La	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
16	CT UH Đồng Bào Miền Bắc	124,259,581	-	-	-	-	-	-	124,259,581	-	124,259,581
17	CT UH Đồng Bào Lũ Lụt Yên Bái	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
18	CT UH Đồng Bào Lạng Sơn sau lũ	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
19	CT hỗ trợ bão lụt Quảng Bình	-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
20	CT Cây Mùa Xuân A Lưới Huế 2025	4,200,000	-	-	-	-	-	-	4,200,000	-	4,200,000
21	CT Xuân Biên Cương Sơn La 2025	8,665,000	35,755,000	-	-	39,965,000	-	-	4,455,000	-	4,455,000
22	CT Cây Mùa Xuân Viện Thận 2025	8,200,000	56,364,000	-	-	59,657,000	-	-	4,907,000	-	4,907,000
23	CT GTA Hà Nội 2025	6,000,000	5,100,000	-	-	-	-	-	11,100,000	-	11,100,000
24	CT Cây Mùa Xuân Đồng Nai 2025	6,500,000	-	-	-	6,500,000	-	-	0	-	0
25	CT Cây Mùa Xuân Thanh Hóa 2025	-	31,182,000	-	-	25,000,000	-	-	6,182,000	-	6,182,000
26	CT Cây Mùa Xuân A Lưới Huế 2025	-	4,800,000	-	4,200,000	9,000,000	-	-	0	-	0
27	CT GTA HCM 2025	-	35,194,222	-	-	30,000,000	-	-	5,194,222	-	5,194,222
28	CT Hỗ trợ lúa giống A Lưới Huế	-	35,000,000	-	-	34,100,000	-	-	900,000	-	900,000
29	CT Trung Thu Chi Lăng An Giang 2025	-	61,920,000	-	-	61,420,000	-	-	500,000	-	500,000
30	CT Hỗ trợ bà con vùng Lũ Hữu Lũng Lạng Sơn	-	58,326,000	-	-	55,300,000	-	-	3,026,000	-	3,026,000
31	CT Hỗ trợ học sinh Thái Nguyên 2025	-	50,345,500	-	-	48,620,000	-	-	1,725,500	-	1,725,500
32	CT Hỗ trợ Lũ lụt miền Trung 2025	-	334,513,280	-	253,806,720	588,320,000	-	-	0	-	0
		-	-	-	-	-	-	-	0	-	0
	TỔNG CỘNG	195,713,506	708,500,002	-	#####	957,882,000	-	-	204,338,228	-	204,338,228



BÁO CÁO QUỸ NỒI CHÁO/ XÔI/ CƠM

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ 1501
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
1	Nồi cháo Hà Nội	4,300,000	-		-	4,300,000	
2	Nồi Cháo Quảng Trị	1,750,000	-		-	1,750,000	
3	Nồi Cháo Cư Pui	200,000	-		-	200,000	
4	Nồi Cháo Hà Tĩnh	500,000	-		-	500,000	
5	Nồi Súp Hà Nội	-	700,000		-	700,000	
6	Nồi Xôi Viện Thận Hà Nội	-	-		-	0	
7	Thứ Bảy Yêu Thương Hà Tĩnh	-	-		5,000,000	(5,000,000)	
8	Quán cơm 2000 Sài Gòn	8,710,000	9,850,000		-	18,560,000	
9	Quán cơm 2000 Cần Thơ	500,000	-		-	500,000	
TỔNG CỘNG		15,960,000	10,550,000	-	5,000,000	21,510,000	-



BÁO CÁO QUỸ MAI TÁNG TỪ THIỆN (MTTT)

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ		
1	Quỹ Mai Táng Từ Thiện	1,038,000	1,000,000		-	2,038,000
2	Mai táng từ thiện ủng hộ nhóm MTTT của Chú Ba Oanh HCM	800,000	-		-	800,000
3	Mai táng từ thiện Em Trạ Đồng Nai	700,000	-		700,000	0
4	Mai táng từ thiện bà Đoàn Hà Tĩnh	100,000	-		-	100,000
5	Mai táng từ thiện bà Liên Hà Tĩnh	300,000	300,000		600,000	0
6	Mai táng từ thiện Em Sơn Hà Tĩnh	400,000	-		-	400,000
7	Mai táng từ thiện Thương A Lưới Huế	300,000	-		300,000	0
8	MTTT anh Hùng con Chú Bửu Sơn quận 9 HCM	-	-		-	0
9	MTTT Bà Mạnh Huế	-	-		-	0
10	MTTT Chau Ho A Luoi Hue	200,000	-		200,000	0
11	MTTT Bác Lợi Huế	-	-		-	0
12	MTTT Anh Nhiên A Lưới Huế	-	-		-	0
13	MTTT Bà Viện Hà Tĩnh	-	-		-	0
14	MTTT chị Nga A Lưới Huế	-	-		-	0
15	MTTT Ông Kình Hiền (T.Kiu Mía) A Lưới Huế	300,000	-		300,000	0
16	MTTT Ông LP Phùng (Hùng) Huế	-	-		-	0
17	MTTT Anh Liêng Đam A Lưới Huế	-	-		-	0
18	MTTT Anh Tôn Thất Tú Huế	-	-		-	0
19	MTTT Anh Chinh ở Huế	-	-		-	0
20	MTTT Cự Tâm ở Huế	-	-		-	0
21	MTTT Cự Sơn Hà Tĩnh	-	-		-	0
22	MTTT Anh Song A Lưới Huế	-	-		-	0
23	MMTT Anh Trí ở Huế	-	10,500,000		10,500,000	0
24	MTTT Chị H Tham Ken	-	12,800,000		12,800,000	0
25	MTTT Cháu Quyết Sơn La	-	8,900,000		8,900,000	0
26	MTTT Ông Bầy A Lưới Huế	-	10,000,000		10,000,000	0
27	MTTT Ba Tieu A Luoi Hue	-	8,500,000		8,500,000	0
28	MTTT Cu Nguyen TP Hue	-	9,800,000		9,800,000	0
29	MTTT Anh Viet Len A Luoi Hue	-	5,600,000		5,600,000	0

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ		
30	MTTT Bac Hung A Luoi Hue	-	11,200,000		11,200,000	0
31	MTTT Ông Lộc ở Huế	-	11,000,000		11,000,000	0
32	MTTT Ông Kan Mi Huế	-	7,200,000		7,000,000	200,000
33	MTTT Em Pi Riu Sia A Lưới Huế	-	6,600,000		6,500,000	100,000
34	MTTT ông bà em Blúp Sim ở Huế	-	26,400,000	2,000,000	28,400,000	0
35	MTTT Anh Hóa A Lưới Huế	-	19,246,000		17,446,000	1,800,000
36	MTTT ông Nur A Lưới Huế	-	20,700,000		20,700,000	0
37	MTTT Ba Kà Y A Lưới Huế		9,500,000		9,500,000	0
38	MTTT Anh Lê Minh Sang A Lưới Huế		10,500,000		10,500,000	0
39	MTTT Ông A Kiêng Văn Nhúi A Lưới Huế		7,200,000		7,100,000	100,000
40	MTTT Anh Hồ Văn Ngành A Lưới Huế		7,500,000		7,500,000	0
41	MTTT Cháu Hồ San Say A Lưới Huế		1,000,000		1,000,000	0
42	MTTT Cháu Trần Ngọc An Di A Lưới Huế		8,200,000		8,200,000	0
43	MTTT ông A Cơ Von A Lưới Huế		10,950,000		10,950,000	0
44	MTTT Cô Vũ Thị Thoa A Lưới Huế		7,600,000		7,600,000	0
45	MTTT Em Hồ Thị Khăm A Lưới Huế		6,650,000		6,000,000	650,000
46	MTTT Bà Hồ Thị Hở A Lưới Huế		5,400,000	600,000	6,000,000	0
TỔNG CỘNG		4,138,000	244,246,000	2,600,000	244,796,000	6,188,000



BÁO CÁO QUỸ HEART BANK

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Số tiền đã trả năm trước	Số tiền vay	Trả năm nay	Tổng số tiền đã trả	Còn lại chưa trả	Kết chuyển sang quỹ 1501
1	Quỹ Heart bank thành viên ủng hộ	7,180,000	7,180,000	-	7,180,000	0	
2	Bichthuy md vay Heartbank	2,800,000	2,800,000	-	2,800,000	0	
3	Khải Hậu Giang trả vay HB	6,200,000	6,200,000	-	6,200,000	0	
4	Xuongrong trả vay HB	5,000,000	5,000,000	-	5,000,000	0	
5	Mai Trâm trả vay HB	5,000,000	5,000,000	-	5,000,000	0	
6	Bác Trâm Ca mua heo giống HB	1,300,000	1,300,000	-	1,300,000	0	
7	Anh Trương Văn Thân/C.Hường, Quảng Nam vay mở tiệm tạp hóa	3,900,000	3,900,000	-	3,900,000	0	
8	Anh Đỗ Ngọc Tiến trả vay HB	2,000,000	2,000,000	-	2,000,000	0	
9	Anh Trí Chị Nhiên vay HeartBank	3,000,000	3,000,000	-	3,000,000	0	
10	Getdown sky vay HeartBank	8,000,000	8,000,000	-	8,000,000	0	
11	Anh Nguyễn Tấn Hiền vay HeartBank	400,000	400,000	-	400,000	0	
12	Chị Yến - Sa Đéc vay Heartbank	500,000	500,000	-	500,000	0	
13	Anh Ôn Đà Nẵng trả tiền vay Heart Bank	200,000	200,000	-	200,000	0	
14	Cô Tư Tân Phú vay Heartbank	500,000	500,000	-	500,000	0	
15	Chị Diệp & các cháu HCM cho vay Heartbank	1,500,000	1,500,000	-	1,500,000	0	
16	Chị Nga quán cơm 2000HCM học phí con chị Nga	8,000,000	8,000,000	-	8,000,000	0	
17	Hoaituong xn vay	400,000	400,000	-	400,000	0	
18	Đặng Khánh Huyền	5,400,000	8,000,000	2,600,000	8,000,000	0	
19	Nguyễn Hữu Thọ	-	10,000,000	-	0	10,000,000	
TỔNG CỘNG		61,280,000	73,880,000	2,600,000	63,880,000	10,000,000	-



BÁO CÁO QUỸ CHƯƠNG TRÌNH KHÁC

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ 1501
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
1	Trẻ em mồ côi khó khăn vì Covid	81,717,014	-		2,400,000	79,317,014	
TỔNG CỘNG		81,717,014	-	-	2,400,000	79,317,014	-



BÁO CÁO QUỸ NGÔI NHÀ MƠ ƯỚC (NNMU)

STT	Tên Hoàn cảnh/Chương trình	Tồn đầu	Thu		Chi	Tồn cuối	Kết chuyển sang quỹ 1501
			MTQ uh	Quỹ 1501 hỗ trợ			
1	NNMU số 34 GD bà Huyệt Hàm Yên Tuyên Quang	-	-	-	-	0	
2	NNMU số 37 tại ĐakLak	-	-	-	-	0	
3	NNMU số 38 - Hai bà cháu Vũ Nghệ An	-	-	-	-	0	
4	NNMU39 Gia đình bé Y Ghi Byă Krong Bong Dak Lak	-	-	-	-	0	
5	NNMU40 hai cô Sâm Yên Định Thanh Hóa	-	-	-	-	0	
6	NNMU41 Gia đình anh Vư chị Dính Krong Bong Dak Lak	-	-	-	-	0	
7	NNMU42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	-	-	-	-	0	
8	NNMU43 Gđ chị H Bianh Byă - Buôn Blak	-	-	-	-	0	
9	NNMU44 Gia đình cô HNÁP BYA- Đăk Tuôr	-	-	-	-	0	
10	NNMU 45 Gđ Chị Nguyễn Thị Lựu Krong Bong DakLak	-	-	-	-	0	
11	NNMU 46 Gđ chú Ngô Văn Dí - Bản Pàn Kềng - Cao Bằng	-	-	-	-	0	
12	GD mẹ con cụ Nguyễn Thị Khuyên (Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa)	-	-	-	-	0	
13	BÀ PHÚ (Thôn 2, xã Hòa Phong, huyện Krong Bông, Đaklak)	45,054,000	230,000	-	45,284,000	0	
14	NNMU 49 Chị Hà Thiệu Hóa - Thanh Hóa	-	77,089,780	2,910,220	80,000,000	0	
15	NNMU 50 Cô Hoàng Thị Hòa Chú Định, Xã Cư Pui, Dak Lak	-	61,003,200	-	40,000,000	21,003,200	
TỔNG CỘNG		45,054,000	138,322,980	2,910,220	165,284,000	21,003,200	-